

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính quý cho kỳ  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 4 tháng 12 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 4 tháng 12 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

**Hội đồng Quản trị**

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang  
Ông Hồ Hùng Anh  
Bà Nguyễn Hoàng Yên  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Lars Kjaer  
Ông Dominic Edward Salter Price

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 25  
tháng 4 năm 2014)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**Mẫu B 01 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>9.011.832</b>	<b>11.198.630</b>	<b>4.949.701</b>	<b>12.352.670</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>5.160.730</b>	<b>5.698.563</b>	<b>642.385</b>	<b>1.379.279</b>
Tiền	111		282.432	203.577	11.555	11.831
Các khoản tương đương tiền	112		4.878.298	5.494.986	630.830	1.367.448
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>10</b>	<b>283.300</b>	<b>3.287.000</b>	-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>1.522.663</b>	<b>975.138</b>	<b>4.199.296</b>	<b>10.893.087</b>
Phải thu khách hàng	131		720.873	351.434	60.638	-
Trả trước cho người bán	132		344.098	360.236	136.717	139.141
Phải thu khác	135		459.885	265.252	4.001.941	10.753.946
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.193)	(1.784)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>1.631.769</b>	<b>1.070.334</b>	-	-
Hàng tồn kho	141		1.645.582	1.091.073	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.813)	(20.739)	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>413.370</b>	<b>167.595</b>	<b>108.020</b>	<b>80.304</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.007	28.718	4.395	489
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		203.798	100.506	48.876	46.866
Thuế và các khoản khác phải thu						
Nhà nước	154		72.096	-	20.702	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		81.469	38.371	34.047	32.949

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>36.459.339</b>	<b>35.303.511</b>	<b>18.339.002</b>	<b>19.375.093</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>4</b>	<b>712.452</b>	<b>450.183</b>	<b>4.265.124</b>	<b>2.875.015</b>
Phải thu dài hạn khác	218		712.452	450.183	4.265.124	2.875.015
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.492.846</b>	<b>23.121.361</b>	<b>12.422</b>	<b>81.122</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	6	17.571.704	1.731.429	9.608	68.036
<i>Nguyên giá</i>	222		18.697.832	2.457.614	20.759	92.565
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.126.128)	(726.185)	(11.151)	(24.529)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	7	51.597	58.327	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300	67.300	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(15.703)	(8.973)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	8	1.470.183	1.288.672	2.814	3.065
<i>Nguyên giá</i>	228		1.865.530	1.597.069	4.508	4.214
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(395.347)	(308.397)	(1.694)	(1.149)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	2.399.362	20.042.933	-	10.021
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>10.771.961</b>	<b>10.761.467</b>	<b>14.010.034</b>	<b>16.355.220</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	5.077.610	7.422.796
Đầu tư vào công ty liên kết	252		10.719.361	10.757.867	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		52.600	3.600	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.482.080</b>	<b>970.500</b>	<b>51.422</b>	<b>63.736</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.829.957	403.353	42.041	53.311
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		196.990	87.572	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		44.061	42.456	9.381	10.425
Lợi thế thương mại	269	12	411.072	437.119	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>45.471.171</b>	<b>46.502.141</b>	<b>23.288.703</b>	<b>31.727.763</b>

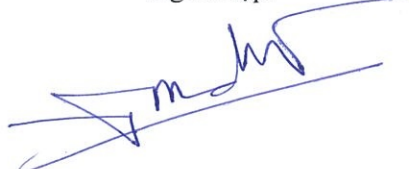
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>23.690.979</b>	<b>23.240.644</b>	<b>6.017.522</b>	<b>17.472.541</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.068.695</b>	<b>9.783.892</b>	<b>435.760</b>	<b>3.684.322</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	2.250.081	6.635.910	188.100	2.311.300
Phải trả người bán	312		1.204.578	942.375	276	9.286
Người mua trả tiền trước	313		21.480	22.163	-	-
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	374.155	483.421	19	386
Phải trả nhân viên	315		47.938	20.387	-	-
Chi phí phải trả	316	15	2.023.796	1.578.366	234.286	479.911
Phải trả khác	319	16	146.667	101.270	13.079	883.439
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.622.284</b>	<b>13.456.752</b>	<b>5.581.762</b>	<b>13.788.219</b>
Nợ dài hạn khác	333	16	208.652	234.688	81.440	1.812.997
Vay và nợ dài hạn	334	17	16.198.953	12.067.096	5.500.322	11.975.222
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.211.977	1.151.716	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.702	3.252	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>14.264.299</b>	<b>14.432.969</b>	<b>17.271.181</b>	<b>14.255.222</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>14.264.299</b>	<b>14.432.969</b>	<b>17.271.181</b>	<b>14.255.222</b>
Vốn cổ phần	411	19	7.349.113	7.349.113	7.349.113	7.349.113
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	9.601.627	9.601.627	9.601.627	9.601.627
Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	97.703	97.703	97.703	97.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.115	(43.098)	-	-
Vốn khác	418		(8.799.311)	(8.929.770)	(1.586.675)	(1.586.675)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.012.052	6.357.394	1.809.413	(1.206.546)
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>7.515.893</b>	<b>8.828.528</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>45.471.171</b>	<b>46.502.141</b>	<b>23.288.703</b>	<b>31.727.763</b>

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Eric

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Mẫu B 02 – DN

**Tập đoàn**

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/4/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>4.189.433</b>	<b>2.779.714</b>	<b>6.943.236</b>	<b>4.354.940</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>65.493</b>	<b>43.621</b>	<b>104.283</b>	<b>84.861</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>4.123.940</b>	<b>2.736.093</b>	<b>6.838.953</b>	<b>4.270.079</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>2.578.841</b>	<b>1.624.772</b>	<b>4.211.235</b>	<b>2.651.459</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.545.099</b>	<b>1.111.321</b>	<b>2.627.718</b>	<b>1.618.620</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	79.159	87.361	272.467	227.117
Chi phí tài chính	22	24	564.851	83.825	881.763	156.921
Chi phí bán hàng	24		721.649	386.078	1.339.903	732.045
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		257.180	216.026	505.856	392.468
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>80.578</b>	<b>512.753</b>	<b>172.663</b>	<b>564.303</b>
Thu nhập khác	31	25	84.400	27.244	96.652	123.675
Chi phí khác	32	26	68.672	17.479	74.500	33.745
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>15.728</b>	<b>9.765</b>	<b>22.152</b>	<b>89.930</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>27</b>	<b>2.178</b>	<b>(58.053)</b>	<b>41.494</b>	<b>(72.953)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>		<b>98.484</b>	<b>464.465</b>	<b>236.309</b>	<b>581.280</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>212.481</b>	<b>176.792</b>	<b>329.488</b>	<b>296.297</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>(47.079)</b>	<b>21.318</b>	<b>(49.157)</b>	<b>(16.503)</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>(66.918)</b>	<b>266.355</b>	<b>(44.022)</b>	<b>301.486</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

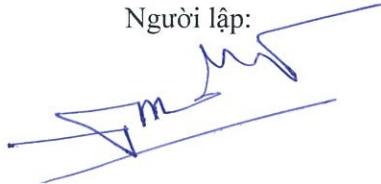
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

**Tập đoàn**

	Mã	Thuyết	Từ 1/4/2014	Từ 1/4/2013	Từ 1/1/2014	Từ 1/1/2013
	số	minh	đến	đến	đến	đến
			30/6/2014	30/6/2013	30/6/2014	30/6/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52)</b>						
<b>(mang từ trang trước sang)</b>	<b>60</b>		<b>(66.918)</b>	<b>266.355</b>	<b>(44.022)</b>	<b>301.486</b>
<b>Phân bổ cho:</b>						
Cổ đông thiểu số	61		159.805	130.497	289.308	165.009
Chủ sở hữu của Công ty	62		(226.723)	135.858	(333.330)	136.477
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	28	(304)	186	(447)	187

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Eric

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Mã số</b>	<b>Giá định<sup>(1)</sup></b>			
		<b>Từ 1/4/2014 đến 30/6/2014</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Từ 1/4/2013 đến 30/6/2013</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013</b> <b>Triệu VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>4.189.433</b>	<b>2.779.714</b>	<b>6.943.236</b>	<b>4.354.940</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>65.493</b>	<b>43.621</b>	<b>104.283</b>	<b>84.861</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>4.123.940</b>	<b>2.736.093</b>	<b>6.838.953</b>	<b>4.270.079</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>2.550.140</b>	<b>1.624.772</b>	<b>4.182.534</b>	<b>2.651.459</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>	<b>1.573.800</b>	<b>1.111.321</b>	<b>2.656.419</b>	<b>1.618.620</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	79.159	87.361	272.467	227.117
Chi phí tài chính	22	505.366	83.825	822.278	156.921
Chi phí bán hàng	24	721.649	386.078	1.339.903	732.045
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	141.315	161.931	302.139	296.413
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>284.629</b>	<b>566.848</b>	<b>464.566</b>	<b>660.358</b>
<b>{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>					
Thu nhập khác	31	84.400	27.244	96.652	123.675
Chi phí khác	32	68.672	17.479	74.500	33.745
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>15.728</b>	<b>9.765</b>	<b>22.152</b>	<b>89.930</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ các công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>168.005</b>	<b>109.810</b>	<b>373.148</b>	<b>263.437</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>	<b>468.362</b>	<b>686.423</b>	<b>859.866</b>	<b>1.013.725</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>212.481</b>	<b>176.792</b>	<b>329.488</b>	<b>296.297</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>(29.701)</b>	<b>25.439</b>	<b>(27.327)</b>	<b>(9.758)</b>
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>	<b>285.582</b>	<b>484.192</b>	<b>557.705</b>	<b>727.186</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Tập đoàn	Mã số	Giá định <sup>(1)</sup>			
		Từ 1/4/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/4/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)</b>	<b>60</b>	<b>285.582</b>	<b>484.192</b>	<b>557.705</b>	<b>727.186</b>
<b>Phân bổ cho:</b>					
Cổ đông thiểu số	61	223.191	147.461	388.830	197.120
Chủ sở hữu của Công ty	62	62.391	336.731	168.875	530.066
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	84	461	226	726

(1)

- a) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc tái chuyển nhượng cổ phần của của Ngân hàng Techcombank cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 2013.
- b) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 2013.
- c) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 2013.
- d) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 2013.
- e) Cộng lại khoản phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Kronfa cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- f) Cộng lại khoản phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- g) Cộng lại chi phí bất thường, đột biến phát sinh của giai đoạn hoạt động ban đầu và tái cấp vốn trong ngành hàng tài nguyên cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

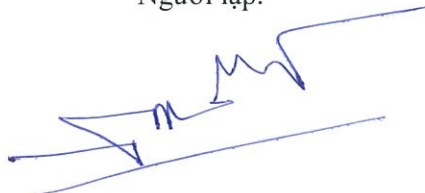
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

Công ty

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2014	Từ 1/4/2013	Từ 1/1/2014	Từ 1/1/2013
			đến 30/6/2014	đến 30/6/2013	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	-	-	-	-
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	-	-	-	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.330.914	299.892	3.652.541	598.651
Chi phí tài chính	22	24	250.321	378.943	573.650	739.448
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.811	59.470	69.878	111.777
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>3.048.782</b>	<b>(138.521)</b>	<b>3.009.013</b>	<b>(252.574)</b>
Thu nhập khác	31	25	66.350	-	67.865	72.723
Chi phí khác	32	26	60.919	-	60.919	-
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.431</b>	<b>-</b>	<b>6.946</b>	<b>72.723</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>3.054.213</b>	<b>(138.521)</b>	<b>3.015.959</b>	<b>(179.851)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>3.054.213</b>	<b>(138.521)</b>	<b>3.015.959</b>	<b>(179.851)</b>

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**Mẫu B 03 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>236.309</b>	<b>581.280</b>	<b>3.015.959</b>	<b>(179.851)</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>						
Khấu hao và phân bổ	02		707.206	214.431	20.479	13.746
Các khoản dự phòng	03		31.528	6.157	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		41.882	(6.713)	(676)	-
Lỗi từ thanh lý, xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		2.393	200	1.433	-
Thu nhập lãi tiền gửi và duy trì hạn mức vay	05		(241.175)	(189.063)	(3.651.858)	(590.671)
Chi phí lãi vay và duy trì hạn mức vay	06		739.854	115.195	573.636	727.338
(Lợi nhuận)/lỗ từ các công ty liên kết	07		(41.494)	72.953	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.476.503</b>	<b>794.440</b>	<b>(41.027)</b>	<b>(29.438)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(776.323)	(227.570)	(17.894)	(197.773)
Biến động hàng tồn kho	10		(592.554)	(404.196)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		571.027	(233.779)	(143.033)	(14.973)
			<b>678.653</b>	<b>(71.105)</b>	<b>(201.954)</b>	<b>(242.184)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(928.343)	(776.049)	(455.897)	(327.085)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(420.437)	(583.378)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(51.235)	(17.730)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(721.362)</b>	<b>(1.448.262)</b>	<b>(657.851)</b>	<b>(569.269)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(924.786)	(2.329.348)	(1.425)	(14.487)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.520	113	-	-
Tiền chi cho công ty con vay	23		-	-	(1.778.985)	(1.144.493)
Tiền chi cho bên thứ ba vay	23		(235.799)	(214.494)	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ các công ty con	23		-	-	606.777	727.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(12.638.951)	(24.301.551)	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		15.593.651	26.142.051	-	68.000
Tiền thuận chi cho việc mua lại công ty con	26		-	(429.139)	-	-
Tiền đầu tư vào công ty con	26		(287.265)	(207.462)	-	(1.881.404)
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		329.638	294.245	547.688	16.011
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.838.008</b>	<b>(1.045.585)</b>	<b>(625.945)</b>	<b>(2.229.373)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	31		-	178.608	-	178.608
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31		108.566	2.964.725	-	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		11.118.735	3.131.399	735.000	1.050.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng và các đơn vị khác	34		(11.418.410)	(3.173.714)	(188.100)	-
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	34		(166.760)	-	-	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của một công ty con	36		(1.298.323)	(14.926)	-	-
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.656.192)</b>	<b>3.086.092</b>	<b>546.900</b>	<b>1.228.608</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(539.546)</b>	<b>592.245</b>	<b>(736.896)</b>	<b>(1.570.034)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.698.563</b>	<b>5.718.717</b>	<b>1.379.279</b>	<b>2.160.026</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>1.713</b>	<b>31.278</b>	<b>2</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>5.160.730</b>	<b>6.342.240</b>	<b>642.385</b>	<b>589.992</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này*

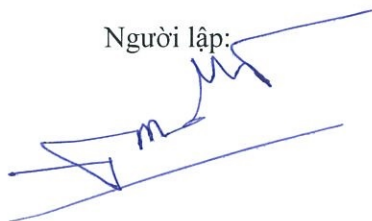
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

**CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND
Bán cổ phần sở hữu trong công ty con cho công ty con khác	-	-	3.591.682	-
Chuyển đổi khoản vay phải thu từ công ty con với khoản vay phải trả của công ty con khác	-	-	10.540.923	-
Chuyển đổi khoản vay phải trả cho công ty con với cổ tức nhận được từ các công ty con	-	-	1.435.702	-
Chuyển đổi khoản vay phải trả liên quan đến mua công ty con với cổ tức nhận được từ công ty con	-	-	1.246.495	-
Chuyển lãi vay thành khoản vay	-	31.106	-	-
Chi phí vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	571.943	-	-
Khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	25.715	-	-

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Eric

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		30/6/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	77,3%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	77,3%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	77,3%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	77,3%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Sản xuất mì ăn liền	77,3%	74,2%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	73,1%	70,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	77,3%	74,2%
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	41,2%	39,5%
Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất đồ uống	49,1%	47,1%
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha	Sản xuất đồ uống	49,1%	47,1%
Công ty Cổ phần Ma San Agri	Tư vấn quản lý	51%	37,9%
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		30/6/2014	31/12/2013
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	74,1%	75,9%

---

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con.

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Các báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Cơ sở hợp nhất**

***Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung***

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 Hợp nhất kinh doanh và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 Chuẩn mực chung và Chuẩn mực kế toán số 21 Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giá định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

***Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung***

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(iii) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

**(b) Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ tài nguyên mỏ	16 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

**(iii) Thương hiệu**

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm đến 20 năm.

**(iv) Quan hệ khách hàng**

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(v) Tài nguyên nước khoáng**

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 - 19 năm.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

**(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in**

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

**(iv) Chi phí vay**

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

**(v) Phí nâng cấp trang web**

Phí nâng cấp trang web được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(n) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Vốn chủ sở hữu**

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu***

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(iii) *Vốn khác***

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh, lãi/lỗ từ việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

**(q) *Doanh thu***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(r) *Doanh thu tài chính và chi phí tài chính***

**(i) *Doanh thu tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) *Chi phí tài chính***

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

**(s) *Lãi trên cổ phiếu***

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

**(t) *Các bên liên quan***

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	1.796	3.367	169	470
Tiền gửi ngân hàng	280.636	200.210	11.386	11.361
Các khoản tương đương tiền	4.878.298	5.494.986	630.830	1.367.448
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	5.160.730	5.698.563	642.385	1.379.279

**4. Các khoản phải thu**

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>				
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	142.244	142.244	3.987.758	10.734.312
Lãi trích trước phải thu	18.011	51.906	2.636	1.250
Thuế giá trị gia tăng của nhà thầu nước ngoài	-	11.947	-	6.837
Các dịch vụ phải thu	11.547	11.547	11.547	11.547
Phải thu khác	288.083	47.608	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	459.885	265.252	4.001.941	10.753.946
<b>Các khoản phải thu dài hạn khác</b>				
Lãi phải thu dài hạn	51.864	25.395	-	-
Phải thu dài hạn khác	660.588	424.788	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	-	-	4.265.124	2.875.015
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	712.452	450.183	4.265.124	2.875.015

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Phải thu khác từ các công ty liên quan bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	3.845.514	10.592.068
Phi thương mại – dài hạn	-	-	4.265.124	2.875.015

Phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều kiện hợp đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu ngắn hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty bao gồm:

- Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 15% một năm với số tiền là 956.529 triệu VND đối với hạn mức vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 108 triệu USD, chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2015;
- Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và công ty con có số vốn gốc là 487.500 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2015;
- Số tiền 2.121.922 triệu VND là khoản gốc vay 1.962.320 triệu VND và khoản lãi phải thu 159.602 triệu VND, đáo hạn trong năm 2015 và chịu lãi suất 12% một năm;
- Số tiền 221.484 triệu VND là khoản gốc vay 210 tỷ VND và khoản lãi phải thu 11.484 triệu VND, đáo hạn trong năm 2015 và chịu lãi suất 10% một năm;
- Số tiền 23.641 triệu VND là khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2015, cho khoản vay 620 tỷ VND cho vay trong năm 2013 đã được hoàn trả trong năm 2013; và
- Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn còn lại từ các công ty liên quan khác với số tiền là 34.438 triệu VND không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty không được đảm bảo và phải thu theo điều khoản của hợp đồng, bao gồm:

- Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 4,25% đến 15% một năm đến ngày 28 tháng 2 năm 2014 với số tiền là 1.177.961 triệu VND đối với hạn mức vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 110 triệu USD và 2.095 tỷ VND, chưa được giải ngân. Và 216.893 triệu VND liên quan đến khoản gốc vay và lãi phải thu. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2015 và 2016;

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

- b) 299.514 triệu VND liên quan đến lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2019, từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 mà khoản vay này đã được hoàn trả trong năm 2012;
- c) 452.313 triệu VND liên quan khoản gốc vay và tiền lãi phải thu, được trả trong năm 2016;
- d) 6.667 triệu VND là khoản gốc vay 6.665 triệu VND và khoản lãi phải thu 2 triệu VND, đáo hạn trong năm 2019 và chịu lãi suất 12% một năm; và
- e) 2.111.776 triệu VND là khoản gốc vay 1.985.233 triệu VND và khoản lãi phải thu 126.543 triệu VND, đáo hạn trong năm 2018 và chịu lãi suất 12% một năm.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Tập đoàn</b>	
	Từ <b>1/1/2014</b> đến <b>30/6/2014</b> Triệu VND	<b>2013</b> Triệu VND
Số dư đầu kỳ	1.784	378
Tăng dự phòng trong kỳ	479	1.493
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(57)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(70)	(30)
Số dư cuối kỳ	2.193	1.784

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Hàng mua đang đi đường	123.023	49.521	-	-
Nguyên vật liệu	660.170	381.333	-	-
Công cụ và dụng cụ	393.023	326.413	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	92.746	90.522	-	-
Thành phẩm	372.535	223.444	-	-
Hàng hóa tồn kho	4.085	19.840	-	-
	<b>1.645.582</b>	<b>1.091.073</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.813)	(20.739)	-	-
	<b>1.631.769</b>	<b>1.070.334</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	<b>Từ</b>	<b>2013</b>
	<b>1/1/2014</b>	<b>Triệu VND</b>
	<b>đến</b>	<b>Triệu VND</b>
	<b>30/6/2014</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	20.739	11.991
Tăng dự phòng trong kỳ	34.608	38.187
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(40.445)	(24.495)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.089)	(4.944)
Số dư cuối kỳ	<b>13.813</b>	<b>20.739</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn**

	Nhà cửa và cầu trúc	Tài nguyên mỏ khoáng sản	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	627.019	-	94.220	71.834	1.605.642	58.899	2.457.614
Tăng trong kỳ	60.923	-	-	753	1.846	-	63.522
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.576.392	6.002.630	-	11.659	7.671.451	1.258	16.263.390
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	11	-	-	-	-	-	11
Thanh lý	(776)	-	(71.680)	(4.439)	(6.875)	(2.020)	(85.790)
Xóa sổ	(294)	-	-	-	(621)	-	(915)
Phân loại lại	(1.854)	-	-	668	1.186	-	-
Số dư cuối kỳ	3.261.421	6.002.630	22.540	80.475	9.272.629	58.137	18.697.832
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	86.063	-	29.111	32.932	552.702	25.377	726.185
Khấu hao trong kỳ	74.581	112.620	7.643	8.505	220.869	3.786	428.004
Thanh lý	(750)	-	(19.809)	(2.206)	(3.478)	(944)	(27.187)
Xóa sổ	(294)	-	-	-	(580)	-	(874)
Phân loại lại	106	-	-	653	(759)	-	-
Số dư cuối kỳ	159.706	112.620	16.945	39.884	768.754	28.219	1.126.128
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	540.956	-	65.109	38.902	1.052.940	33.522	1.731.429
Số dư cuối kỳ	3.101.715	5.890.010	5.595	40.591	8.503.875	29.918	17.571.704

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty**

	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	86.778	5.787	92.565
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.313	4.313
Thanh lý	(71.680)	(4.439)	(76.119)
Số dư cuối kỳ	15.098	5.661	20.759
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	21.979	2.550	24.529
Khấu hao trong kỳ	7.577	1.060	8.637
Thanh lý	(19.809)	(2.206)	(22.015)
Số dư cuối kỳ	9.747	1.404	11.151
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	64.799	3.237	68.036
Số dư cuối kỳ	5.351	4.257	9.608

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**7. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ/ cuối kỳ	67.300
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	8.973
Khấu hao trong kỳ	6.730
Số dư cuối kỳ	15.703
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	58.327
Số dư cuối kỳ	51.597

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**8. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm vi tính</b>	<b>Nhãn hiệu</b>	<b>Quan hệ khách hàng</b>	<b>Tài nguyên nước/khoáng</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	173.793	39.964	702.866	375.110	305.336	1.597.069
Tăng trong kỳ	-	458	-	-	-	458
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	268.003	-	-	-	268.003
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>173.793</b>	<b>308.425</b>	<b>702.866</b>	<b>375.110</b>	<b>305.336</b>	<b>1.865.530</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	20.194	17.363	125.665	142.788	2.387	308.397
Khấu hao trong kỳ	2.475	10.506	31.159	34.159	8.651	86.950
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>22.669</b>	<b>27.869</b>	<b>156.824</b>	<b>176.947</b>	<b>11.038</b>	<b>395.347</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	153.599	22.601	577.201	232.322	302.949	1.288.672
Số dư cuối kỳ	151.124	280.556	546.042	198.163	294.298	1.470.183



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty**

	<b>Phần mềm vi tính Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	4.214
Tăng trong kỳ	294
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.508
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.149
Khấu hao trong kỳ	545
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.694
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	3.065
Số dư cuối kỳ	2.814
	<hr/> <hr/>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>	<b>2013 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>	<b>2013 Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	20.042.933	15.317.924	10.021	71.628
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	1.047	-	-
Tăng trong kỳ	1.277.680	5.094.361	1.093	16.009
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.263.390)	(340.323)	(4.313)	(74.844)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(268.003)	(15.097)	-	(2.161)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.379.093)	(5.779)	(63)	(570)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(3.285)	(9.200)	-	(41)
Thanh lý	(5.263)	-	(4.521)	-
Xóa sổ	(2.217)	-	(2.217)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.399.362	20.042.933	-	10.021
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**10. Các khoản đầu tư**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
Đầu tư vào các công ty con	-	-	5.077.610	7.422.796
Đầu tư vào một công ty liên kết (a)	10.719.361	10.757.867	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	52.600	3.600	-	-
	<b>10.771.961</b>	<b>10.761.467</b>	<b>14.010.034</b>	<b>16.355.220</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn (b)</b>				
	<b>283.300</b>	<b>3.287.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>283.300</b>	<b>3.287.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	-	3.591.682
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	2.873.314	2.873.314
Công ty Cổ Phần Masan Agri	1.246.496	-
	<b>5.077.610</b>	<b>7.422.796</b>

**(a) Đầu tư các công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn lần lượt là khoản đầu tư 30,36% (31/12/2013: 30,36%) và 20,4% (31/12/2013: 15,14%) lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) và Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**(b) Đầu tư ngắn hạn**

Phần lớn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm 5,7% trong kỳ (31/12/2013: 6% - 8%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn**

	<b>Chi phí trước hoạt động Triệu VND</b>	<b>Chi phí đất trả trước Triệu VND</b>	<b>Trục in Triệu VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ Triệu VND</b>	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	58.796	2.226	1.143	34.371	306.817	403.353
Tăng trong kỳ	61.281	-	2.141	9.521	135.797	208.740
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	336.153	2.038.509	-	4.431	-	2.379.093
Phân bổ trong kỳ	(42.050)	(32.519)	(1.570)	(14.408)	(70.261)	(160.808)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(11)	-	(11)
Thanh lý	-	-	-	(202)	-	(202)
Ghi giảm tài sản	-	-	-	(208)	-	(208)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>414.180</b>	<b>2.008.216</b>	<b>1.714</b>	<b>33.494</b>	<b>372.353</b>	<b>2.829.957</b>

**Công ty**

	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Phí nâng cấp trang web Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	52.812	499	53.311
Tăng trong kỳ	-	38	38
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	63	63
Phân bổ trong kỳ	(11.088)	(209)	(11.297)
Thanh lý	-	(74)	(74)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>41.724</b>	<b>317</b>	<b>42.041</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**12. Lợi thế thương mại**

	<b><u>Tập đoàn</u></b> <b>Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	520.945
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	83.826
Khấu hao trong kỳ	26.047
Số dư cuối kỳ	109.873
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	437.119
Số dư cuối kỳ	411.072

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Vay ngắn hạn	1.873.585	4.245.567	-	2.123.200
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17)	376.496	2.390.343	188.100	188.100
	2.250.081	6.635.910	188.100	2.311.300

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền tệ</b>	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
		<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
		<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Vay ngân hàng:					
Tiền VND	VND	1.873.585	3.275.725	-	-
Tiền Đô la Mỹ	USD	-	968.762	-	-
Tiền EUR	EUR	-	1.080	-	-
		1.873.585	4.245.567	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	251.549	334.003	-	-
Thuế giá trị gia tăng	46.037	91.603	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	8.986	3.332	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.241	27.112	-	-
Các loại thuế khác	42.342	27.371	19	386
	<b>374.155</b>	<b>483.421</b>	<b>19</b>	<b>386</b>

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Lãi vay phải trả	420.593	423.814	207.093	303.400
Phải trả cho xây dựng công trình	260.815	66.563	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	507.886	279.737	-	-
Phí tư vấn	52.010	104.365	23.667	32.476
Thưởng và lương tháng 13	171.562	198.675	-	-
Chiết khấu hàng bán	63.451	49.653	-	-
Chi phí vận chuyển	174.049	46.056	-	-
Thuế nhà thầu	120.319	33.729	348	5.251
Chi phí hàng tồn kho phải trả	80.826	16.252	-	-
Các khoản khác	172.285	359.522	3.178	138.784
	<b>2.023.796</b>	<b>1.578.366</b>	<b>234.286</b>	<b>479.911</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**16. Phải trả khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	4.598	155	-	155
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	2.109	1.509	-	-
Phải trả ngắn hạn khác cho một công ty con	-	-	-	883.284
Mua cổ phần công ty con	24.360	43.398	-	-
Phải trả khác	115.600	56.208	13.079	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	146.667	101.270	13.079	883.439
<hr/>				
<b>Phải trả dài hạn khác</b>				
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	-	1.725.360
Phải trả dài hạn	148.091	174.127	20.879	27.076
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	60.561	60.561	60.561	60.561
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	208.652	234.688	81.440	1.812.997
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**17. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Vay dài hạn (a)	4.030.615	8.519.274	-	6.286.800
Trái phiếu và các khoản vay chuyên đổi	988.422	1.176.522	988.422	1.176.522
Trái phiếu có đảm bảo	11.500.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
Nợ thuê tài chính	56.412	61.643	-	-
	16.575.449	14.457.439	5.688.422	12.163.322
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(376.496)	(2.390.343)	(188.100)	(188.100)
Hoàn trả sau 12 tháng	16.198.953	12.067.096	5.500.322	11.975.222

**a. Vay dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Vay ngân hàng:				
Tiền VND	303.990	2.674.117	-	-
Tiền Đô la Mỹ	3.726.625	5.845.157	-	-
Khoản vay từ công ty con	-	-	-	6.286.800
	4.030.615	8.519.274	-	6.286.800

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**18. Biến động của vốn chủ sở hữu**

**Tập đoàn**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND</b>	<b>Cổ đông thiểu số Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	-	178.608	-	178.608
Giao dịch với cổ đông thiểu số của MSC	-	-	-	-	1.153.955	-	1.153.955	863.484	2.017.439
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	116.139	116.139
Giao dịch với cổ đông thiểu số của MH	-	-	-	-	(41.028)	-	(41.028)	513.708	472.680
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(27.298)	-	-	(27.298)	(12.663)	(39.961)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	136.477	136.477	165.009	301.486
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(14.926)	(14.926)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(15.925)	(15.925)	(16.949)	(32.874)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	<b>7.051.409</b>	<b>7.999.167</b>	<b>1.721.824</b>	<b>(43.426)</b>	<b>(7.506.552)</b>	<b>6.046.204</b>	<b>15.268.626</b>	<b>7.434.350</b>	<b>22.702.976</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND</b>	<b>Cổ đông thiểu số Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	7.349.113	9.601.627	97.703	(43.098)	(8.929.770)	6.357.394	14.432.969	8.828.528	23.261.497
Giao dịch với cổ đông thiểu số trong MSC	-	-	-	-	360.317	-	360.317	(400.640)	(40.323)
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	(229.858)	-	(229.858)	133.679	(96.179)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	46.213	-	-	46.213	(14.682)	31.531
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(333.330)	(333.330)	289.308	(44.022)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.304.830)	(1.304.830)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(12.012)	(12.012)	(15.470)	(27.482)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>7.349.113</b>	<b>9.601.627</b>	<b>97.703</b>	<b>3.115</b>	<b>(8.799.311)</b>	<b>6.012.052</b>	<b>14.264.299</b>	<b>7.515.893</b>	<b>21.780.192</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****Công ty**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(242.703)	15.820.854
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608					178.608
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(179.851)	(179.851)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	7.051.409	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(422.554)	15.819.611
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	(1.206.546)	14.255.222
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.015.959	3.015.959
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	1.809.413	17.271.181

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**

**19. Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	734.911.338	7.349.113	734.911.338	7.349.113
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	734.911.338	7.349.113	734.911.338	7.349.113
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	9.601.627	-	9.601.627

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	734.911.338	7.349.113	687.280.123	6.872.801
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	17.860.750	178.608
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi công cụ nợ của công ty con	-	-	29.770.465	297.704
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>734.911.338</b>	<b>7.349.113</b>	<b>734.911.338</b>	<b>7.349.113</b>

**20. Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**21. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm	6.853.363	4.354.466	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	89.873	474	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(79.787)	(70.923)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(24.496)	(13.938)	-	-
Doanh thu thuần	6.838.953	4.270.079	-	-

**22. Giá vốn hàng bán**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng				
▪ Thành phẩm đã bán	4.177.716	2.645.338	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.519	6.121	-	-
	4.211.235	2.651.459	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2014</u> <u>đến</u> <u>30/6/2014</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến</u> <u>30/6/2013</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2014</u> <u>đến</u> <u>30/6/2014</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến</u> <u>30/6/2013</u> <u>Triệu VND</u>
Lãi thu từ:				
• Tiền gửi	215.207	183.080	14.917	12.373
• Cho vay	25.979	5.983	-	-
• Cho công ty con vay	-	-	291.198	52.095
Thu nhập hạn mức vay từ các công ty con	-	-	176.691	526.203
Thu nhập từ cổ tức	-	-	3.169.052	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.518	37.569	683	7.980
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.763	485	-	-
	<b>272.467</b>	<b>227.117</b>	<b>3.652.541</b>	<b>598.651</b>

**24. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2014</u> <u>đến</u> <u>30/6/2014</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến</u> <u>30/6/2013</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2014</u> <u>đến</u> <u>30/6/2014</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến</u> <u>30/6/2013</u> <u>Triệu VND</u>
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	205.289	62.217	-	-
• Các trái chủ	456.598	52.978	350.656	216.631
• Công ty con	-	-	220.087	314.407
Chi phí hạn mức vay trả cho công ty con	-	-	2.893	196.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	59.370	32.481	14	75
Chi phí tài chính khác	160.506	9.245	-	12.035
	<b>881.763</b>	<b>156.921</b>	<b>573.650</b>	<b>739.448</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**25. Thu nhập khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	61.044	113	59.486	-
Thu từ bán phế liệu	12.592	7.887	-	-
Thu nhập khác	23.016	115.675	8.379	72.723
	96.652	123.675	67.865	72.723

**26. Chi phí khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định và tài sản dài hạn đã thanh lý	63.108	313	60.919	-
Chi phí bán phế liệu	8.985	6.296	-	-
Chi phí khác	2.407	27.136	-	-
	74.500	33.745	60.919	-

**27. Lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên kết**

	<u>Tập đoàn</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	373.148	263.603
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(331.654)	(336.556)
	41.494	(72.953)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**28. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là (333.330) triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 136.477 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là 746.361.691 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 730.496.274 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông*

	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(333.330)	136.477

(ii) *Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành*

	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	734.911.338	687.280.123
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền	-	3.042.216
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	11.450.353	40.173.935
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	<u>746.361.691</u>	<u>730.496.274</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

**Tập đoàn**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND</b>
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	19.998	24.359

*(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 2013.*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty:**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Bản chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần	Khoản vay nhận từ công ty con	735.000	1.050.000
Hàng Tiêu Dùng	Khoản vay trả cho công ty con bằng việc chuyển nhượng khoản nợ cho công ty con	7.709.298	-
Ma San	Chi phí lãi vay trả cho công ty con bằng việc chuyển nhượng khoản nợ cho công ty con	2.831.626	-
	Giá mua công ty con	1.246.496	-
	Thu nhập cổ tức	1.240.800	-
	Chi phí lãi vay từ khoản vay dài hạn	220.087	314.407
	Phí duy trì hạn mức vay	2.893	196.300
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con	932.463	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	225.536	-
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	32.416	46.113
	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	72.995	196.300
	Khoản vay cấp cho công ty con	-	930.000
	Thu hồi khoản vay từ công ty con	-	727.000
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay	103.696	329.903
	Khoản vay cấp cho công ty con	210.000	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	6.892	-
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Khoản vay cấp cho công ty con	475.657	214.494
	Thu hồi khoản vay từ công ty con	154.200	-
	Thu nhập từ bán cổ phần cho công ty con	3.591.682	-
	Thu nhập cổ tức	1.928.252	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	1.523	5.982
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	2.909	4.137

(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho kỳ báo cáo ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 2013.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**30. Giải trình biến động lợi nhuận thuần**

Lỗ thuần quý 2 năm 2014 của Tập đoàn là 67 tỷ VND (sau phân bổ lợi thế thương mại) so với lợi nhuận thuần của cùng kỳ năm trước là 266 tỷ VND. Các nguyên nhân chính dẫn đến biến động lỗ thuần là do:

- Lợi nhuận thuần của ngành hàng tiêu dùng tăng cao chủ yếu từ sự tăng trưởng doanh thu và cải thiện lợi nhuận gộp biên; và tăng cao của EBITDA (thu nhập trước thuế, lãi vay, khấu hao và phân bổ) trong cả ngành hàng tiêu dùng và tài nguyên;

Cản trừ với:

- Doanh thu tài chính giảm;
- Chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong ngành hàng tài nguyên do mỏ Núi Pháo đi vào hoạt động; và
- Chi phí đột biến liên quan của giai đoạn hoạt động ban đầu trong ngành hàng tài nguyên.

Kết quả kinh doanh riêng lẻ quý 2 năm 2014 của Công ty đạt lợi nhuận 3.054 tỷ VND so với khoản lỗ 139 tỷ VND của cùng kỳ năm trước chủ yếu là do tăng thu nhập từ cổ tức.

Người lập:

Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch